

# COPA de FM Kagawa 08

4月6日 男女MIXクラス / ビギナークラス  
各8チーム開催 計16チーム

		試合時間	Aコート		副審	Bコート		副審	
		8:15	受付開始						
		8:40	開会式						
ビギナー	①	9:00	A-1 FC NaT's	A-2 FC JUNK	A-4 PLK	B-1 JJC	B-2 士	B-4 f.c.s.u Current	
MIX	②	9:20	A-1 FC Relacion	A-2 禿猿	A-4 f.c.s.u Current	B-1 弘法大師MIX	B-2 SKY	B-4 GOUT	
ビギナー	③	9:40	A-3 FC XERO	A-4 PLK	A-1 FC NaT's	B-3 高松日赤フットサルチーム	B-4 f.c.s.u Current	B-1 JJC	
MIX	④	10:00	A-3 espinafre	A-4 f.c.s.u Current	A-1 FC Relacion	B-3 道楽息子	B-4 GOUT	B-1 弘法大師MIX	
ビギナー	⑤	10:20	B-1 JJC	B-3 高松日赤フットサルチーム	B-2 士	A-1 FC NaT's	A-3 FC XERO	A-2 FC JUNK	
MIX	⑥	10:40	B-1 弘法大師MIX	B-3 道楽息子	B-2 SKY	A-1 FC Relacion	A-3 espinafre	A-2 禿猿	
ビギナー	⑦	11:00	B-2 士	B-4 f.c.s.u Current	B-3 高松日赤フットサルチーム	A-2 FC JUNK	A-4 PLK	A-3 FC XERO	
MIX	⑧	11:20	B-2 SKY	B-4 GOUT	B-3 道楽息子	A-2 禿猿	A-4 f.c.s.u Current	A-3 espinafre	
ビギナー	⑨	11:40	A-1 FC NaT's	A-4 PLK	A-2 FC JUNK	B-1 JJC	B-4 f.c.s.u Current	B-2 士	
MIX	⑩	12:00	A-1 FC Relacion	A-4 f.c.s.u Current	A-2 禿猿	B-1 弘法大師MIX	B-4 GOUT	B-2 SKY	
ビギナー	⑪	12:20	A-2 FC JUNK	A-3 FC XERO	A-1 FC NaT's	B-2 士	B-3 高松日赤フットサルチーム	B-1 JJC	
MIX	⑫	12:40	A-2 禿猿	A-3 espinafre	A-1 FC Relacion	B-2 SKY	B-3 道楽息子	B-1 弘法大師MIX	
ビギナー	⑬	13:00	A1位 PLK	決勝 2 vs 0	B1位 JJC	会場	A2位 FC NaT's	3決 2 vs 1	B2位 f.c.s.u Current
MIX	⑭	13:20	A1位 espinafre	決勝 0 vs 0 2 pk 3	B1位 SKY	会場	A2位 禿猿	3決 1 vs 3	B2位 道楽息子
		13:40	閉会式						

# COPA de FM Kagawa 08



## 【ビギナークラス】リーグ表

	A-1 FC NaT's	A-2 FC JUNK	A-3 FC XERO	A-4 PLK	勝点	得点	失点	得失点	順位
A-1 FC NaT's		○ 1 - 0	○ 3 - 1	● 1 - 4	6	5	5	0	2
A-2 FC JUNK	● 0 - 1		● 0 - 2	● 0 - 2	0	0	5	-5	4
A-3 FC XERO	● 1 - 3	○ 2 - 0		△ 0 - 0	4	3	3	0	3
A-4 PLK	○ 4 - 1	○ 2 - 0	△ 0 - 0		7	6	1	5	1

	B-1 JJC	B-2 士	B-3 高松日赤フットサルチーム	B-4 f.c.s.u Current	勝点	得点	失点	得失点	順位
B-1 JJC		○ 4 - 0	○ 3 - 1	△ 1 - 1	7	8	2	6	1
B-2 士	● 0 - 4		△ 2 - 2	● 2 - 3	1	4	9	-5	4
B-3 高松日赤フットサルチーム	● 1 - 3	△ 2 - 2		● 0 - 1	1	3	6	-3	3
B-4 f.c.s.u Current	△ 1 - 1	○ 3 - 2	○ 1 - 0		7	5	3	2	2

## 【男女MIXクラス】リーグ表

	A-1 FC Relacion	A-2 禿猿	A-3 espinafre	A-4 f.c.s.u Current	勝点	得点	失点	得失点	順位
A-1 FC Relacion		△ 1 - 1	● 0 - 2	○ 5 - 2	4	6	5	1	3
A-2 禿猿	△ 1 - 1		△ 0 - 0	○ 3 - 1	5	4	2	2	2
A-3 espinafre	○ 2 - 0	△ 0 - 0		○ 2 - 0	7	4	0	4	1
A-4 f.c.s.u Current	● 2 - 5	● 1 - 3	● 0 - 2		0	3	10	-7	4

	B-1 弘法大師MIX	B-2 SKY	B-3 道楽息子	B-4 GOUT	勝点	得点	失点	得失点	順位
B-1 弘法大師MIX		△ 1 - 1	● 1 - 2	○ 6 - 0	4	8	3	5	3
B-2 SKY	△ 1 - 1		○ 3 - 2	○ 4 - 1	7	8	4	4	1
B-3 道楽息子	○ 2 - 1	● 2 - 3		○ 2 - 0	6	6	4	2	2
B-4 GOUT	● 0 - 6	● 1 - 4	● 0 - 2		0	1	12	-11	4